

Sáng tạo và tiếp nhận văn học
TỪ NHỮNG TIỀN ĐỀ TÍN HIỆU VÀ
HỆ THỐNG CỦA NGÔN NGỮ

NGUYỄN LAI

Đối với nghiên cứu văn học, cái khó trước tiên là phải làm sáng tỏ các cấp độ nghĩa trong thế li giải gắn với quá trình phân tích tác phẩm nhưng không được là n một đi một biểu cảm mang ấn dấu trong tinh cụ thể của thế giới ngôn từ. Điều này trực tiếp liên quan đến những yêu cầu được coi như là tế bào nghĩa của tác phẩm. Đồng thời nó còn liên quan cả đến những quy mô và hệ thống tổ chức liên kết các tế bào nghĩa đã nêu. Những mối liên hệ này diễn ra theo những quy luật của bản thân ngôn ngữ và, hơn thế, còn theo những quy luật sâu xa nhất của tín hiệu học (trong ý nghĩa đầy đủ nhất của từ này). Như vậy, điều đặc biệt cần lưu ý ở đây có lẽ là: chính loại quy luật thứ hai — vốn nằm trong chiều sâu tạo ra cơ chế ngôn ngữ — lại có « ma lực » tiếp tục chi phối ngôn ngữ một cách sâu rộng, nhất là khi ngôn ngữ hóa thân vào quỹ đạo của sự sáng tạo văn học.

Cách đặt vấn đề trên ít nhất cũng giúp ta hiểu rõ thêm, vì sao nhà ngôn ngữ học F. de Saussure, sau khi xác định tín hiệu là điểm đồng tâm của nhiều khoa học, ông còn nhấn mạnh tiếp: « Số dĩ lần đầu tiên chúng tôi ấn định cho ngôn ngữ học một vị trí quan trọng giữa các khoa học là vì chúng tôi đã gắn liền nó với khoa tín hiệu học » (1).

Nếu xuất phát từ định nghĩa quen thuộc vốn được chấp nhận « ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu » thì *tín hiệu* và *hệ thống* ở đây trước hết phải hiểu là hai mặt giống nhau không thể tách rời của cơ chế ngôn ngữ. Chúng nằm trong chiều sâu và quy định phạm vi chất năng động (1) đa đối với hoạt động của ngôn ngữ. Theo chúng tôi, đó cũng là động lực bên trong tạo ra cái bản thể « riêng tây » nhất cho ngôn ngữ — đặc biệt khi ngôn ngữ được coi như là một thực thể động. Dĩ nhiên, những tiền đề trên đó mở ra một tầm năng vô tận cho *quá trình tạo nghĩa* đối với sáng tạo văn học. Và từ đó, dù muốn dù không, đây cũng là con đường mà chúng ta không thể không quan tâm khi muốn thực sự « giải mã » quá trình sáng tạo văn học.

Trước hết, chúng ta cần trở lại những chỗ sâu xa nhất của một vài xuất phát điểm quan trọng

(1) F. de Saussure, Giáo trình ngôn ngữ học cơ bản, Nxb KHXH, 1973, tr. 41

Tính đầu tiên mang ý nghĩa thực chất nhất của tín hiệu học đối với ngôn ngữ phải nói là tính xã hội gắn với yêu cầu giao tiếp. Định hướng này, trong tính hiện thực của nó, không thể không bắt đầu bằng sự môi giới của những dấu hiệu vật lí — tâm lí. Dấu hiệu vật lí, về mặt thông tin học, là điều kiện trước tiên cho người tiếp nhận có thể cảm biết. Nhưng mặt khác, nếu dấu hiệu trên không gắn với yếu tố tâm lí thì tính ước lệ mang ý nghĩa xã hội — vốn là tiền đề tạo ra tính năng động về mặt nội dung — không thể xuất hiện. Như vậy, rõ ràng yếu tố tâm lí là điều kiện là mặt trái tạo nên thế vô đơn cho tín hiệu; hay nói khác, chính nó quy định tính bản thể của tín hiệu. Hiểu thấu đáo đặc trưng này, chúng ta càng có cơ sở để lí giải rõ hơn, vì sao khi xác định phẩm chất của tín hiệu, Saussure có lúc gần như đồng nhất vấn đề tín hiệu học và tâm lí học (2).

Yếu tố tâm lí thuộc về hạt nhân tạo ra tiềm năng cơ động cho mặt nội dung tín hiệu vừa nêu trên có vai trò vô cùng quan trọng đối với quá trình tạo nghĩa trong sang tạo văn học thông qua ngôn ngữ. Tính vừa thống nhất vừa mâu thuẫn giữa hai mặt vô đơn và cơ động này (cơ động lấy về đặc làm tiền đề và ngược lại) đã dẫn tín hiệu vào thế tồn tại không thể không kéo theo phẩm chất *chính thể tương đối giữa nội dung và hình thức* gắn với quá trình tạo nghĩa thông qua giao tiếp (từ người tiếp nhận). Theo chúng tôi, tiền đề này (chứ không do yếu tố nào khác) chính là nhân tố quan trọng đã tạo ra nhân tố cơ động về tính đơn vị (và từ đó cả sự mở rộng không tư giác về khái niệm đơn vị) vốn có liên quan trực tiếp đến các quy mô từ hẹp tới rộng gắn với tác phẩm văn học.

Như vậy, nếu sự xuất hiện của tín hiệu bao giờ cũng lấy tính chính thể (không tách rời giữa *một biểu đạt và một được biểu đạt*) làm tiền đề, thì đến lượt mình chính *tính chính thể* này lại được quy định bởi góc độ xã hội — lịch sử tính xã hội sâu sắc nhất gắn với bản chất tín hiệu học (vốn chưa được nhiều người hiểu đúng mức và triệt để khai thác vừa nêu), theo chúng tôi, nếu hiểu đúng mức và triệt để khai thác, đó là chiếc chìa khóa giúp cho nhận thức chúng ta có đầy đủ cơ sở vững chắc để tiếp cận không chỉ nội dung hoặc hình thức mà còn cả cái gì chung hơn, cơ động hơn cho vừa nội dung vừa hình thức; không chỉ ngôn ngữ mà còn cái gì chung hơn cho vừa ngôn ngữ vừa văn học; và mặt khác, cũng như vậy, không chỉ từ phía người sáng tạo, mà còn cả cái gì chung hơn vừa cho người sáng tạo vừa cả cho người tiếp nhận.

Từ tính hiện thực của những giao điểm trên, trước tiên chúng ta bắt buộc không thể không nói đến mặt *hệ thống* (trong tính bản thể của nó), và từ xuất phát điểm này mở được mở rộng sang chân trời tạo nghĩa theo những phẩm chất và sắc thái khác nhau.

Dĩ nhiên, chúng ta có nhiều góc độ hiểu về tính hệ thống. Từ quan điểm bao quát ngôn ngữ là một hệ thống tín hiệu như đã nêu, thì hệ thống ở đây — về phương diện bản thể — xuất hiện gắn với sự quay vòng tới đa các dấu hiệu vật thể, sao cho sự phát triển nhiều mặt và vô hạn của nhân thức tư duy gắn

(2) Saussure, S d d tr. 38, 39

với quá trình tạo nghĩa có thể được thực hiện thông qua tính hữu hạn của những dấu hiệu vật thể ấy. Yêu cầu khách quan tạo ra tính hệ thống vừa nêu đã gián tiếp góp phần làm sáng tỏ thêm: vì sao bản chất tin hiệu mang tính vô đoán, và mặt khác, qua đó, ta có điều kiện hiểu sâu hơn, vì sao theo Papirop ngôn ngữ chỉ xuất hiện gần với hệ thống tin hiệu thứ hai, thông qua khả năng trừu tượng của người, và chỉ ở con người mới có khả năng tạo ra ngôn ngữ. Đặc biệt, trong mối liên hệ với những tiền đề khách quan cho sự xuất hiện tính hệ thống vừa nêu trên, thì tính hệ thống còn gợi lên một nguyên tắc không kém phần quan trọng: Đó là, do yêu cầu định hình của nội dung mà những tập hợp mới của hình thức xuất hiện và đặc biệt, vì yêu cầu tính tế và đa dạng của nội dung mà những dấu hiệu của phạm trù hình thức (hay hình thức — forme) không đơn giản chỉ là những dấu hiệu vật thể (với giá trị ban đầu của nó). Trái lại, ở đây nó có cả mặt trừu tượng thuộc về cung cách phân bố, cung cách sắp xếp và tổ chức giữa các yếu tố vật thể, trong khi những yếu tố này được tập hợp lại (dưới những quy mô khác nhau) để nhận lấy những chức năng tạo nghĩa chung đối với chính thể của cấu trúc mới. Muốn có cơ sở vững chắc để hiểu thấu đáo vấn đề này, theo chúng tôi, chúng ta không thể không truy đến luận điểm của Mác về nội dung hình thái tương đối của giá trị sau đây: «Người ta quên rằng những vật khác nhau có thể đem so sánh về số lượng sau khi đã được quy thành đơn vị chung. Chỉ có như thế thì các vật đó mới có mẫu số chung và mới có thể đo lường bằng một đơn vị chung» (3). Luận điểm này có liên quan đến tiền đề thuộc về nội dung và chức năng để chúng ta nhận dạng hệ thống. Hay khác hơn, nói đến tính hệ thống ở đây là chúng ta không thể không nói đến tính chính thể tương đối của 1 đơn vị nào đó và không thể không nói đến sự quy đồng giá trị thành mẫu số chung, để từ mẫu số chung trừu tượng này, ta có thể xác định sự phân bố lại giữa chức năng và cấu trúc đối với từng thành tố đang tạo ra hệ thống.

Từ mối liên hệ trên (và đặc biệt theo hướng nhìn bản thể đối với hiện tượng) thì tính hệ thống ở đây không phải là tin hiệu, nó không nằm trong bản chất tin hiệu nói chung. Thực ra, nó chỉ là một công cụ đặc lực của tin hiệu, nó mở rộng phạm vi và quy mô hoạt động của tin hiệu (trong đó đặc biệt là với tin hiệu ngôn ngữ). Hoặc cũng có thể nhấn mạnh được rằng, trong thực tiễn hoạt động, với chức năng tin hiệu của mình, nếu không có tác động của áp lực hệ thống, ngôn ngữ sẽ không định hình. Tính năng động mạnh mẽ của con người gần với bậc cao nhất về mặt tư duy thông qua ngôn ngữ (thường được gọi là hệ thống tin hiệu thứ hai) vốn có quan hệ chặt chẽ đến phạm vi chất trừu tượng của hệ thống này càng phức tạp và tinh vi hơn khi chúng ta ngôn ngữ khúc xạ vào quá trình sáng tạo những tác phẩm văn học.

Như vậy, nghĩ cho cùng, chính hệ thống là áp lực phát huy năng động con người trong việc thúc đẩy quá trình tạo nghĩa mới từ cơ sở giá trị ban đầu của những tin hiệu đã cho — trong thế liên kết mới — theo độ mở của nhiều quy mô. Chính vì vậy, trong mối liên hệ với văn học, không phải ngẫu nhiên mà ngôn

(3) K. Marx, Tư bản luận, Nxb Sự thật, 1960, tập I, tr.75

ngữ từ chỗ được hiểu như là một phương thức tu từ theo quy mô riêng lẻ, giờ đây, ngày càng được nhiều nhà nghiên cứu đặt chung một cách có ý thức vào thể liên kết chung to lớn của nhiều tác phẩm trong cùng thể văn bản, gần với quá trình phát hiện các mạch nhịp điệu thơ cũng như xúc cảm. Có đúng là nhiều mạch nhịp điệu của các đầu số chung này đã tạo nên sức mạnh cho nhiều tác phẩm «giải mã» chung một tác nhiều hình thức tính tế của tác phẩm.

Như vậy, muốn tiếp cận được cơ chế của hệ thống, rõ ràng trước hết không nên hiểu hệ thống là vấn đề hoàn toàn như thể. Lại càng không nên hiểu hệ thống chỉ là vấn đề thuộc về nghệ thuật sắp xếp những dấu hiệu nhịp điệu của người sáng tạo (t. Lê Lợi). Bản thân lý lẽ là sự mở rộng quy mô tạo nghĩa gắn với vấn đề liên điệu hệ hình nhân thức. Không nhận rõ điều trên thì chưa có cơ sở để nhận định tác phẩm thống nhất (đặc biệt là trong sáng tạo văn học nghệ thuật), thông qua thể giới sinh lượng và biểu cảm của nghệ sĩ. Trong mỗi hệ hình cụ thể với tác phẩm văn học, tính liên kết hệ thống ở đây có đặc điểm khác biệt cần lưu ý chẳng hạn, cũng là hệ thống, nhưng về mặt trật tự không gian cụ thể, nó không thường xuyên nằm trong thể kể tiếp liền tục để ta dễ nhận ra. Trái lại, nó được phân bố đan cài vào nhau, tương phản lẫn nhau, thậm chí bị đứt quãng, thiếu tính liên tục chặt chẽ theo không gian của tác phẩm. Vì trong tác phẩm văn học, tính cách nhân vật hầu như được thể hiện một cách trọn vẹn theo phương thức «xong nhân vật này đến nhân vật khác». Đây là chưa có đến khó khăn phức tạp khi nhận dạng và xác lập tính hệ thống trong thơ ca. Ở đây, mạch hệ thống cho dễ, hình tượng, hình ảnh... được liên kết lại trong thể vừa tính vì vừa trừu tượng và rất đa dạng. Để nhận ra chúng, ngoài việc thâm nhập vào chiều sâu ngữ nghĩa cuối cùng, đòi hỏi người nghiên cứu đi sâu vào các mạch hệ thống con làm trung gian trong quá trình tạo nghĩa. Và chính ở đây, ngôn ngữ trở thành hiện thân cho nhiều hệ thống con, nhiều mạch ngầm tính tế khác nhau. Ngôn ngữ ở đây trước hết được mở rộng trong thể liên kết mới về mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp để làm sinh sôi nảy nở những cảm xúc mới những ấn tượng mới, những cảm giác mới. Điều mà ta gọi là ngôn ngữ «ang tính nhận thức ở đây mở rộng thành ngôn ngữ học lý. Cùng với quá trình chuyên «đi ấy, đôi khi tính định danh, hình ảnh sự chính xác của ngôn ngữ mở rộng, thành tính tương trưng, ước lệ hoặc khoa trương v.v... Thông qua ngôn ngữ, những chi tiết, những sự kiện, hình ảnh... khúc xạ thành những hệ thống khác nhau, không còn nguyên dạng là hệ thống ngôn ngữ ban đầu. Nói khác, những sự kiện, hình ảnh, những chất liệu hiện thực của cuộc sống hiện ra ở đây muốn màu muốn vẻ — trong thể như là ngẫu nhiên và tự phát — nhưng thực ra thì ngược lại: nhờ thông qua tính hiện thực trực tiếp của ngôn ngữ, chúng ta có thể tìm thấy tính liên kết hệ thống ở chúng. Hay nói theo cách nhấn mạnh của nhà lý luận văn học Khráprenco: « Trong sự vận động của thực tế văn học, cái đang hoạt động không phải là những đám tinh vân hỗn độn không định hình mà là có một mức độ tính hệ thống nội tại khá cao » (5).

Theo dõi một hệ thống — cụ thể chẳng hạn như hệ thống nhân vật — nhận dạng cho được thực chất hệ thống ấy, dĩ nhiên ta không thể tách nó ra khỏi nghĩa

(4) V.I Lenin, BKTII, tập 29 (tiếng Việt) tr. 260

(5) M.B. Kharap tencô, Sáng tạo nghệ thuật — Hiện thực — Con người Nxb KHXH, 85 tr 250

Chung thay *mẫu số chung*) là chủ đề tư tưởng. Nhưng quan trọng hơn ở đây là đối với người nghiên cứu, phải tìm thống nhất giữa vấn đề diễn dịch và quy nạp vốn làm tiền đề cho nhau một cách tế nhị. Ai cũng biết, chủ đề tư tưởng không phải ngẫu nhiên đột nhập vào nhận thức người đọc. Trước tiên, chính nhờ quá trình tiếp cận nhân vật và mối tương quan giữa chúng trong tình hệ thống mà dần dần ta ý thức được chủ đề. Và ngược lại, cũng chính nhờ định hướng cuối cùng của chức năng chung gắn với chủ đề này mà ta có đủ ý thức mạnh mẽ, nhìn xuyên qua các cấp độ để xác định rõ hơn mối tương quan chung của hệ thống hình tượng. Như vậy, khi xác định hệ thống trong mối quan hệ với chức năng và cấu trúc ở mỗi trường văn học nghệ thuật, tình hệ diễn dịch và diễn dịch và quy nạp luôn luôn, kéo theo sau nó tính hai cấp độ về mặt nhận thức (cảm tính và lí tính); chúng chuyển hóa lẫn nhau và làm tiền đề cho nhau để chuyển hóa. Chính đây là chỗ phức tạp ẩn chứa nhiều «móc nối» nhất cho thao tác phân tích hệ thống, đặc biệt là đối với tác phẩm văn học nghệ thuật — và nhất là khi ta bắt đầu từ đơn vị nhỏ nhất của hệ thống là từ. Nói khác, khi «giải mã» một tác phẩm văn học, nhất thiết ta không thể không bắt đầu từ ngôn ngữ để đối lập và quy nạp. Và từ kết quả có được, ta lấy đó làm chỗ đứng để diễn dịch, làm sáng tỏ lại cho ngôn từ. Như vậy, sự liên kết hữu cơ của tế bào ngôn ngữ trong quy nạp cảm tính của tác phẩm (dù đó chỉ là một từ, thậm chí từ hư) bao giờ cũng có định hướng châu tuần theo hệ thống đề phục vụ một sắc thái của một cấp độ nghĩa nào đó — thường khi rất tinh vi đối với ngữ nghĩa cuối cùng của nội dung tác phẩm. Từ chỗ đứng này, có lẽ ta có điều kiện hiểu rõ thêm về «những móc nối vô tận» của nghệ thuật trong mỗi liên hệ với hệ thống mà thiên tài sáng tạo bậc thầy L.N. Tolstoi đã lưu ý với chúng ta: «Mỗi ý, được một từ biểu đạt riêng, bị rơi mất ý nghĩa của nó, bị giảm sút đáng sợ khi tách ra một mình và không có cái móc nối mà nó đang ở trong đó... Cần có người chỉ ra được cái vô nghĩa trong việc tìm tòi những ý nghĩa tách biệt trong tác phẩm nghệ thuật và thường xuyên đường như đặt dấu gạch trong các mạch những móc nối vô tận mà bản chất nghệ thuật nằm trong đó và theo những quy luật làm cơ sở cho những móc nối này» (6).

Như vậy rõ ràng rằng, với tác phẩm văn học hình tượng, tình trừu tượng của «mẫu số chung» mà ta phải tiếp cận để làm chỗ dựa cho quá trình lí giải nó, bao giờ cũng hiện ra muôn màu muôn vẻ, đồng thời phân tán dưới nhiều quy mô và cấp độ trong sự chuyển hóa lẫn nhau theo những «móc nối» liên kết giữa loại hệ thống (vốn được hình thành thông qua đơn vị tạo nên hình ảnh đầu tiên là từ). Cái ranh giới của sự khúc xạ vào nhau giữa lí tính và cảm tính ở đây không phải lúc nào cũng được người sáng tạo hoàn toàn tự giác nhận biết. Đó chính là trạng thái khó khăn phức tạp nhất đối với người nghiên cứu khi họ muốn dừng lại ở những mạch ngầm của sự chuyển hóa trung gian giữa các hệ thống đề lí giải quan hệ giữa các thành tố và «mẫu số chung» về mặt ngữ nghĩa. Trước đối tượng phức tạp và tinh tế mà đôi khi ở đó có những khâu — vì khó giải quyết trực tiếp được rõ ràng trong mối liên hệ với ngôn ngữ — nếu chính nó đã dẫn người ta đến chỗ mơ hồ hóa ngôn ngữ, đẩy ngôn ngữ về với giá trị vô thức một cách giả tạo. Trường hợp này chỉ có thể xảy ra ngôn ngữ nằm trong quỹ đạo của sự sáng

(6) I.B.G. Iperin, Văn bản với tư cách là đối tượng của ngôn ngữ Xb KHXH, 87, tr.143.

tao nghệ thuật. Và theo chúng tôi, chính sự hiểu lầm (gây ra do phương pháp thảo luận phiến diện, thiếu tính khoa học trong sự phân tích đặc trưng sáng tạo nghệ thuật) đã làm trung hòa hóa phẩm chất xã hội tính tổ nhất, đích thực nhất và nâng động nhất đối với thế giới ngôn ngữ nghệ thuật.

Trong sáng tạo cũng như thưởng thức tác phẩm văn học hình tượng, về một phương diện nào đấy, quả ngôn ngữ là yếu tố thuộc về hình thức. Nhưng đồng thời phải hiểu, mọi yếu tố hình thức thực ra không chỉ dừng lại và đóng khung ở phạm vi ngôn ngữ. Theo nhiều nhà nghiên cứu, một tác phẩm bao giờ cũng có hình thức bên ngoài (gỗ chữ, bố cục) và hình thức bên trong (kết cấu xung đột, cốt truyện). Có người quan niệm triệt để hơn, cho rằng hình thức nghệ thuật không chỉ là các cấu tạo bên ngoài mà còn là «cái hình thức nội tâm của hình tượng nghệ thuật» (như cái nhìn nghệ thuật, giọng điệu, lối nghĩ khi tác phẩm, không gian, thời gian, nhịp điệu...). Theo tôi, ở đây, nghĩ như vậy, dù hình thức bên trong hay hình thức bên ngoài, tất cả không thể không bắt đầu từ ngôn ngữ và không thể không lấy ngôn ngữ làm điểm tựa. Và dù đó là hình thức bên trong hay hình thức bên ngoài, trong thực tiễn xuất hiện và tồn tại—theo nguyên tắc tối cao của tín hiệu học—chúng không thể tự đưa tách ra riêng thể độc lập tương đối với mặt được biểu đạt. Chính do vậy, cái thuộc phạm vi hình thức—như tạm xác định trên—nếu được khảo sát từ quan điểm động (từ người tiếp nhận) thì cuối cùng đó lại là những hình thức thuộc về các quy mô và cấp độ chuyển hóa tương đối, trong giao giữa nội dung và hình thức mà ngôn ngữ đã hòa thân vào để tạo nên. Tính thiên biến vạn hóa ở đây, do vậy, cũng cần tiến tới được nhìn triệt để hơn từ cơ chế tín hiệu học qua mối liên hệ giao tiếp—đặc biệt trong đó có sự lưu ý đúng mức đến thế giới chủ quan của chủ thể tiếp nhận. Thiếu chỗ đứng này, dù vô tình—theo chúng tôi—trong tiếp cận phạm vi nghiên cứu văn học hình tượng, chúng ta sẽ trung hòa hóa phẩm chất nâng động quan trọng hàng đầu của thế giới tín hiệu.

Phải nói rằng, trong tác phẩm văn học nghệ thuật, mọi cái hay và mọi vẻ đẹp của ngôn ngữ đều xuất hiện không tách rời với sự thể hiện tính cách và hình tượng nói chung. Trong định hướng này mà ngôn ngữ được coi như là tiền đề. Nó khơi dậy tính năng động chủ quan của người đọc để cuối cùng làm định hình nơi họ một hệ thống mã hình tượng bằng con đường nhận thức xúc cảm. Bước chuyển hóa tương đối phức tạp và tinh tế này, tuy được lí luận văn bản biết, nhưng thực ra chưa có sự lí giải thỏa đáng. Hay nói khác hơn, mối quan tâm phạm vi nghiên cứu này vẫn đang còn dừng lại ở trạng thái miêu tả nhiều hơn lí giải. Thậm chí dù có người xác định được sự khúc xạ vào nhau của mã ngôn ngữ thành mã hình tượng (theo hướng là «mã» của «mã» (7)) chúng vẫn chưa được gọi chỉ ra đầy đủ với cơ chế năng động vốn có của chúng (và vốn đang gắn chặt một cách tự nhiên với phạm trù chủ quan nhất của «bộ máy chế biến nghĩa» từ phía người cảm thụ văn học). Theo chúng tôi, chỉ có qua góc độ khảo sát này, ta mới có điều kiện tinh đến thế nào là hiệu lực cụ thể của giao tiếp văn học. Chính ở đây, điều mà ta gọi là «tác động đối với xã hội» phải bắt đầu từ sự phản ứng cụ thể của cá nhân thông qua tiếp nhận. Đây không

(7) Cố Đình Tô, Tu từ học tiếng Việt hiện đại, Nhà Giáo dục, 76, tr. 26.

(8) Lenin, s.d.d. tr. 257

phải là một thứ xã hội trừu tượng chung chung, vừa thiếu tính lịch sử, cụ thể vừa phân lại nguyên tắc tín hiệu học như đó đây ta vẫn thấy (thậm chí đôi khi chính đó lại là tiền đề cho sự phân vết tùy tiện, đặc biệt, theo đảng nhãn mà hơn nữa ở đây là, cùng với quá trình chuyển mã này, ngôn ngữ trở thành yếu tố giữa gọi dẫn đề phát huy mọi tiềm năng thuộc về tính năng động chủ quan của chủ thể tiếp nhận.

Đĩ nhiên, về phía người tiếp nhận, như chúng ta đã biết, mã hình tượng là mã mang tính chủ quan. Nó chỉ xuất hiện trong sự cảm nhận của thế giới chủ quan và cuối cùng chính nó đứng lại trong sự gan lạt cao nhất với cả thế tiếp nhận. Về phương diện khác, thì đây là loại mã — do được hình thành từ nhận thức xã-cảm — nên chúng không mang tính số đo lường dù ngôn ngữ — tiền đề gọi dẫn là — hình thành chúng — là vô đo lường một liên hệ với tính vật thể. Hiểu được mâu thuẫn của quá trình chuyển mã, trước hết là hiểu đặc tính thuộc về bản chất của từng loại mã, chúng là mối cơ sở để cảm nhận đầy đủ tính năng động chủ quan của con người trong sự quay vòng lại đa các dấu hiệu vật thể của ngôn ngữ, thì ngôn ngữ hóa thân vào văn học. Chính khi tiếp cận khả năng chủ quan về mặt hoạt động này, đứng từ con người trong quá trình chuyển mã này, ta cũng có dịp hiểu rõ thêm quy luật tâm hồn trong cách nói của Nguyễn Du thông qua tâm trạng Kiều: «... đứng trong một tiếng tơ đồng, người ngoài cười nụ, người trong khóc thầm». Ở giao điểm mã-tín hiệu học không tách rời với tâm lý học, và đồng thời tin tức học còn bộc lộ rõ điểm đồng tâm của ngôn ngữ học, văn học và nghệ thuật ngôn ngữ này — như Saussure đã từng phân tích — chúng ta cần làm sáng tỏ một đặc cơ sở chủ quan quá trình tạo nghĩa. Quá trình đó có thể xác định như là trạng thái vừa tiếp xúc vừa chế biến nghĩa từ tính vật, nó xảy ra cùng mọi lúc trên nhiều cấp độ và nhiều hình thức trong thế liên hoàn từ chủ quan, động của chủ thể tiếp nhận.

Khi đề cập đến vấn đề này, theo chúng tôi, chúng ta cần lưu ý phân biệt phẩm chất của *tiền biên thẩm mỹ* và *biên mãng thẩm mỹ* trong mối liên hệ với tín hiệu động chủ quan của chủ thể tiếp nhận. Tiền này giúp ta nhận thức sâu sắc hơn bản chất hình tượng thẩm mỹ. Ở đây, trước hết, có thể xác định được rằng, kí hiệu thẩm mỹ và hình tượng thẩm mỹ đều có thể xuất phát chung ta, cả hai đều được định hình từ tiền đề ngôn ngữ, lý ngữ, ngữ pháp hình thức ngữ, và cả hai đều mang tính gợi dẫn thẩm mỹ xã-mỹ kết nối với chủ thể tiếp nhận. Trong khi đó chỗ khác nhau của chúng lại ở lý ngữ thẩm mỹ, tính năng động chủ quan của chủ thể tiếp nhận phát huy cao độ với thế chủ động, nó không còn trực tiếp dựa vào dấu hiệu vật thể vốn có mà lệ thuộc tương, hoàn dụ v.v... của ngôn ngữ như ở kí hiệu thẩm mỹ. Bởi khác, đời sống riêng của quá trình tương tương gần với tính năng động được phát huy tối đa để tạo ra thế giới hình tượng thẩm mỹ này có thể xem như là sự bừng sáng nội tại và tự thân, nó mang sắc thái phản ứng tổng hợp từ phía người cảm thụ nhiều hơn là những gì được trực tiếp gợi ra do sự sản định theo phương thức trực lệ hoặc tương trưng từ phía ngôn ngữ. Một em bé vừa biết đọc, có thể dán dâ ngay lại ngay đọc hết truyện Kiều. Nhưng với em, chắc chắn sau đó không có gì gọi tên hơn ngoài những hình ảnh âm học với số số vẫn và từ được ghép lại theo những dòng những trang một cách hoàn toàn vật thể. Trong khi đó, với người từng trải, họ đã biết nỗi oan khuất và bất hạnh nơi số phận con người, thì truyện Kiều —

sau khi anh ta đọc— đó không phải là những trang, những dòng nữa. Mà có thể nói đó là nỗi buồn vui oán giận đang đích thực sống đầy mãnh liệt nơi anh ta, được anh ta « tính hiệu hóa » bằng hệ thống hình tượng với tư cách là người đồng sáng tạo cùng Nguyễn Du để gửi gắm vào đó sức mạnh nội tâm và tất cả sự từng trải của chính riêng mình! (Ở vào trạng thái hoạt động này, theo chúng tôi, nguyên tắc vật lý—tâm lý của tin hiệu học đã xuyên vào độ sâu và tiếp cận vấn đề theo hướng bản thể mà Mác đã gián tiếp chỉ ra: « Phải đi vào cõi huyền ảo của thế giới tôn giáo mới có thể tìm thấy... trong các cõi ấy, các sâu phẩm của bộ óc con người có hình dáng như những sinh vật tồn tại độc lập, có thể xác riêng biệt, liên hệ với người ta và giữa chúng với nhau » (9).

Vạch ra một cách có cơ chế vấn đề trên, theo chúng tôi, trước hết—khi hiểu phạm chất hình tượng—chúng ta không tách rời quá trình chuyển mã (*mã ngôn ngữ sang mã hình tượng*) với tiền đề chuyển hóa giữa *cái biểu đạt* và *cái được biểu đạt*; trong đó, dấu hiệu vật thể đầu tiên của cái biểu đạt mờ ám; ở đây, thao tác *tiếp nhận* (từ người cảm thụ) biến thành thao tác *học lộ*. Cùng với quá trình này, thông tin lô gích ngữ nghĩa chuyển thành thông tin thẩm mỹ (và chính tại đây chứ không ở nơi nào khác) thế giới lý trí và thế giới xúc cảm hòa nhập vào nhau để từ đây mở rộng chân trời gặp gỡ giữa nhân vật, tác giả và người đọc. Cuối cùng, chỉ có qua những thao tác liên hoàn, chúng ta mới nhận dạng được vấn đề chuyển mã *xuất hiện như thế nào* trong thế giao nhau và phối hợp giữa các hoạt động tin hiệu học, tâm lý học, ngôn ngữ học, thông tin học, lô gích học v.v... Theo chúng tôi, chỉ có đứng từ chủ thể tiếp nhận, chúng ta mới có điều kiện làm sáng tỏ—bằng một cơ chế tổng hợp—những vấn đề thực chất nhất và bộ mặt khách quan nhất của quá trình chuyển mã.

Ở đây, cũng cần nói thêm rằng, nếu yếu tố vừa-cá-nhân-vừa-xã-hội-trong trường hợp này trước hết phải gắn liền với cá nhân và bắt đầu từ cá nhân (về phía người sáng tạo), thì cũng như vậy, yếu tố vừa-cá-nhân-vừa-xã-hội (về phía người tiếp nhận) trước hết cũng phải gắn liền với cá nhân và bắt đầu từ cá nhân. Và đặc biệt, khi quan tâm đến thế giới xúc cảm cụ thể bắt đầu từ cảm xúc của cá nhân cụ thể chính đây là bước ghi nhận có thể giúp ta tiền đề thâm nhập thực sự vào nguyên lý sau đây của Mác: « Đặc điểm riêng thuộc về sức mạnh của bất cứ con người nào cũng luôn là cái bản chất riêng của họ, vì vậy cũng là cách thức riêng để tự mình khách quan hóa... Và như vậy, không phải chỉ riêng trong tư duy mà cả bằng các giao quan, con người tồn tại rõ rệt trong thế giới khách quan » (10). Theo cách nhìn trên thì ở đây có thể nói được rằng, cái riêng sau khi trở thành cái chung công khai qua ngôn ngữ là quy luật đương nhiên của quá trình sáng tạo nơi tác giả. Và ở đây, từ góc độ của nhà nghiên cứu phê bình, cái chung của hệ thống được quy về thành cái riêng (gắn với sự phát hiện cái riêng của người sáng tác) cũng phải qua sự khám phá hệ thống thế giới ngôn từ trong tất cả các dáng vẻ của nó *từ mạch cảm thụ cá nhân* của chính người nghiên cứu phê bình.

Việc ngày càng đi sâu vào cái riêng cụ thể bằng cách đào sâu vào thế giới thi pháp và phong cách theo những vòng xoay tròn ốc mới trong nghiên cứu đã

(9) K.Marx, s.d đ. tr.106

(10) Marx và Engel, Về văn học nghệ thuật, NXB ST, 1977, tr 21

lâm sàng tỏ thêm rằng: khi đi vào thế giới nghệ thuật, ngôn ngữ — qua những dấu hiệu vật lí và tâm lí — đã tự mở ra cho mình khả năng chuyển hóa nhiều mặt và nhiều chiều giữa xã hội và cá nhân, giữa cái riêng và cái chung, giữa nội dung và hình thức, cả giữa tác giả và người tiếp nhận. Chính từ những giao điểm này chúng ta mới có dịp trở về với nguyên lý sâu xa nhất của tín hiệu học mà Saussure (người đầu tiên đã xem đó là điểm đồng tâm của nhiều khoa học liên ngành) đã nhấn mạnh: « Tất cả các giá trị ước định đều không trùng làm một với dấu hiệu vật thể đầu tiên có thể cảm nhận được vốn làm chỗ dựa cho nó » (11).

Nhìn bao quát tất cả những gì đã trình bày với tinh thần gợi dẫn đã nêu, chúng ta có thể nói được rằng, khi hóa thân vào văn học, ngôn ngữ thực ra cũng tự mở rộng cho mình nhiều phạm vi của tính giàu ước lệ theo nguyên tắc tối đa của tín hiệu học để thâm nhập vào tận cùng các tế bào lớn nhỏ của tác phẩm văn học được định hình. Ngôn ngữ ở đây được tạo nghĩa bằng sức mạnh của cảm giác, cảm xúc, ấn tượng... theo tất cả những cung bậc nhận thức phong phú vốn có của con người. Ngôn ngữ ở đây cũng được định hình một cách cơ động từ nhiều góc độ của nhiều chủ thể khác nhau: khi là của chính tác giả, lúc là của nhân vật, lúc khác lại là chung cho cả vừa tác giả, nhân vật và người đọc. Trong quá trình làm định hình những kết hợp đặc ngữ và những hình ảnh giàu tính biểu cảm, ở đây ta thấy ranh giới giữa võ đoán và không võ đoán của những tín hiệu mới nảy sinh lại gần nhau hơn; và ở đây, tính truyền thống cộng đồng văn hóa văn minh cũng với tinh thần dân tộc hiện lên như là một quy luật chung mà quá trình định hình *mã hình tượng từ mã ngôn ngữ* đã bao quát lấy nó. Vì ngôn ngữ trong tác phẩm văn học bao giờ cũng biến hóa thành ngữ nghĩa cuối cùng thông qua hình tượng — bằng thế hai chiều của con đường vừa xúc cảm vừa lí trí — nên ngôn ngữ văn học vừa tinh tế lại vừa mang tính liên kết lỏng lẻo rất mạnh so với ngôn ngữ bất cứ ở loại hình không biểu cảm nào. Hệ thống chung về những đặc điểm của ngôn ngữ văn học đã tự giới thiệu với chúng ta, vì sao khi là tế bào nằm trong môi trường tạo nghĩa (gắn với hình tượng) nó trở thành một thứ tín hiệu năng động nhất đồng thời vừa là một loại « mã » tâm lý xã hội vừa giàu tính truyền thống vừa giàu tính hiện đại nhất.

Khảo sát ngôn ngữ trong mối liên hệ với văn học từ tiền đề tín hiệu và hệ thống, như vậy thực ra cũng không đơn giản là khảo sát vấn đề lu từ hoặc kỹ xảo sử dụng ngôn từ. Mà đây là khảo sát từ trong chiều sâu của sự phát triển ngôn ngữ gắn với con người, trong thế *con người ngày càng nghệ sĩ hơn và tri thức hơn*, và đặc biệt, câu hỏi đặt ra cho sự khảo sát là: trường xúc cảm con người *ngày càng nghệ sĩ hơn* ấy định hình từ tiền đề ngôn ngữ và trở lại làm cho ngôn ngữ giàu có hơn, tinh vi hơn, đa dạng hơn theo những phẩm chất và quy luật nào của tín hiệu và hệ thống.

(11) Saussure. s.d.d, tr.206